TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯNG HÀ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27-9-2018
V/v: Ly hôn giữa chị T và anh T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Văn Tấn.

2. Bà Trần Thị Thủy.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên tòa*: Bà Đào Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2018/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp " Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị T, sinh năm 1978 (có mặt)
Đăng ký HKTT: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Th
Nơi ở hiện nay: Thôn Ng, xã B, huyện L, tỉnh H.

2. *Bị đơn*: Anh Trần Đình T, sinh năm 1975
Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Th.
(anh T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18-72018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trương Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Đình T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008, đến tháng 01-2013 thì chị T và anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã H. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, anh T không tu chí làm ăn, chị T đã khuyên bảo

nhưng anh T không thay đổi dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Tháng 9-2014, chị T không khắc phục được đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, chị T và anh T cũng sống ly thân từ đó đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Về nuôi con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Trần Tuấn A, sinh ngày 28-01-2009 và Trần Thị Thu H, sinh ngày 31-10-2011. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu H, để anh T nuôi cháu A, không bên nào phải góp cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung, không vay nợ ai.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06-9-2018, bị đơn anh Trần Đình T trình bày:

Về hôn nhân: Anh kết hôn với chị Trương Thị T chung sống với nhau từ năm 2008 do tự nguyện, đến tháng 01-2013 anh và chị T đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, anh ham chơi dẫn đến chị T nói nhiều, anh nóng tính tát chị T dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Tháng 9-2014, chị T đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng anh cũng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh cũng nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị T ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh và chị T có 02 con chung là Trần Tuấn A sinh ngày 28-01-2009 và Trần Thị Thu H, sinh ngày 31-10-2011. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh nuôi cháu A, để chị T nuôi cháu H, không bên nào phải góp cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Anh và chị T không có tài sản chung, không vay nợ ai.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Trần Tuấn A ngày 06-9-2018, cháu Trần Tuấn A trình bày: Nếu Tòa án giải quyết ly hôn giữa bố mẹ cháu thì cháu có nguyện vọng ở với bố.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, chị T, anh T đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: đề nghị xử cho chị Trương Thị T được ly hôn anh Trần Đình T; về nuôi con chung: Giao cho chị T được nuôi cháu Trần Thị Thu H, anh

T được nuôi cháu Trần Tuấn A, không bên nào phải góp cấp dưỡng nuôi con; về chia tài sản: Anh T, chị T không có tài sản chung. Chị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định*:

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Chị Trương Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Trần Đình T. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Anh T đang cư trú tại Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Th nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T có mặt tại địa phương, Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T, anh T có đơn xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa xét xử nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và vẫn đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Trần Đình T chung sống với nhau từ năm 2008 do tự nguyện. Đến tháng 01-2013, anh T và chị T đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nên trong cuộc sống vợ chồng xảy ra cãi nhau. Tháng 9-2014, chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Hội đồng xét xử thấy: Chị T, anh T sống ly thân đã lâu, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị T được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Chị T và anh T có 02 con chung là Trần Tuấn A sinh ngày 28-01-2009 và Trần Thị Thu H, sinh ngày 31-10-2011. Xét thấy, từ khi vợ chồng anh T, chị T sống ly thân, anh T trực tiếp nuôi cháu A, chị T trực tiếp nuôi cháu H vẫn đảm bảo tốt quyền lợi mọi mặt của con, cháu A có nguyện vọng ở với anh T. Để ổn định cuộc sống sinh hoạt của các con, Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao cho anh T nuôi cháu A, chị T nuôi cháu H, không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về chia tài sản: Chị T, anh T không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/2/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trương Thị T và anh Trần Đình T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Trương Thị T trực tiếp nuôi cháu Trần Thị Thu H, sinh ngày 31-10-2011, giao cho anh Trần Đình T nuôi cháu Trần Tuấn A, sinh ngày 28-01-2008. Anh T, chị T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh T, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Chị T và anh T không có tài sản chung.

4. Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005422 ngày 08-8-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà (chị T đã nộp đủ).

5. Quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã H, huyện H, tỉnh Th.

Nơi nhận:
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên